



Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU

Tóm tắt Nghị định thư 1 – Quy tắc Xuất xứ

Nghị định thư 1 EVFTA thực chất là “Nghị định thư về Quy tắc xuất xứ của sản phẩm và các biện pháp hợp tác hành chính” (sau đây gọi là Nghị định thư), với 38 Điều và 08 Phụ lục, gồm các cam kết về vấn đề quy tắc xuất xứ hàng hóa của EVFTA, là điều kiện cơ bản để hàng hóa có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Chương này bao gồm 02 nhóm nội dung: (i) các cam kết về điều kiện xuất xứ (chia thành 02 nhóm nhỏ hơn, bao gồm các nguyên tắc chung về xuất xứ, áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa và các nguyên tắc xác định xuất xứ riêng, áp dụng cho từng loại hàng hóa) và (ii) các cam kết về thủ tục chứng nhận xuất xứ.

1. Nhóm các cam kết về điều kiện xuất xứ

(i) Quy tắc xuất xứ EVFTA chung

Hàng hóa được coi là có xuất xứ EVFTA khi thuộc một trong ba trường hợp sau:

Trường hợp 1: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy¹

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành một cách tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam hoặc EU. Ví dụ như: khoáng sản, động vật thực vật được hình thành tự nhiên và sản phẩm của các loại động thực vật này... Các trường hợp được coi là hàng hóa có xuất xứ thuần túy được quy định cụ thể tại Điều 4 Nghị định thư.

Trường hợp 2: Hàng hóa có xuất xứ cộng gộp²

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành từ nguyên liệu có xuất xứ một phần hoặc toàn bộ từ EU/Việt Nam và được chế biến hoặc sản xuất tại Việt Nam/EU thỏa mãn các yêu cầu về quy trình sản xuất theo quy định tại Điều 6 Nghị định thư.

Ngoài các trường hợp cộng gộp xuất xứ của hai Bên như nói trên, đối với hàng hóa xuất xứ cộng gộp Việt Nam, EVFTA còn cho phép ***cộng gộp xuất xứ mở rộng*** trong 2 trường hợp, gồm:

¹ Điều 2 Nghị định thư

² Điều 3 và Điều 6 Nghị định thư

- *Cộng góp xuất xứ với Hàn Quốc đối với hàng dệt may:* Trong quá trình sản xuất các sản phẩm dệt may được liệt kê tại Phụ lục V Nghị định thư, các nguyên liệu có xuất xứ Hàn Quốc sẽ được coi là có xuất xứ Việt Nam, miễn là thỏa mãn các yêu cầu về quy trình sản xuất theo quy định tại Điều 6 Nghị định thư;³
- *Cộng góp xuất xứ với ASEAN đối với mực và bạch tuộc:* Các nguyên liệu có xuất xứ từ một nước ASEAN sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam, nếu thỏa mãn các điều kiện sau:⁴
 - o Nguyên liệu này thuộc danh sách được liệt kê tại Phụ lục III Nghị định thư;
 - o Nguyên liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm được liệt kê tại Phụ lục IV Nghị định thư;
 - o Nguyên liệu có xuất xứ từ các nước ASEAN có cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định thư này và có hợp tác hành chính cần thiết với EU để đảm bảo việc thực thi đầy đủ Nghị định thư này với EU và giữa họ với nhau.

Trường hợp 3: Hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam/EU, sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ

Hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc EU, sử dụng nguyên liệu không hoàn toàn từ Việt Nam hoặc EU nhưng các nguyên liệu này thỏa mãn các yêu cầu cụ thể về quy trình sản xuất được quy định tại Điều 5 Nghị định thư và Phụ lục II về quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng.⁵

(ii) Quy tắc xuất xứ cụ thể đối với từng sản phẩm (Product Specific Rule – PSR)

Đối với trường hợp 3 nói trên (hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam/EU, sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ), EVFTA có các quy tắc xuất xứ cụ thể áp dụng cho từng nhóm sản phẩm. Các quy tắc xuất xứ này được quy định tại Điều 5 Nghị định thư và Phụ lục II về quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng (Danh mục PSR).

Quy tắc xuất xứ theo từng mặt hàng sử dụng chủ yếu một hoặc một số các tiêu chí:

- Quy tắc tỷ lệ tối đa không xuất xứ (VL): Giới hạn tối đa tỷ lệ nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất, gia công;
- Quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa : Chuyển đổi mã HS ở cấp độ 4 số (quy tắc CTH) hoặc cấp độ 6 số (quy tắc CTHS) của sản phẩm cuối cùng so với mã số HS của nguyên vật liệu đầu vào;
- Quy tắc công đoạn gia công cụ thể; và
- Quy tắc công đoạn gia công, chế biến thực hiện trên nguyên liệu có xuất xứ thuần túy.

³ Điều 3.7 Nghị định

⁴ Điều 3.2 Nghị định thư

⁵ http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/evfta_chapter_4_annex4a.pdf

Quy tắc xuất xứ cụ thể đối với mỗi loại hàng hóa (áp dụng các tiêu chí nào, nội dung cụ thể mỗi tiêu chí) được nêu rõ trong Danh mục PSR.

Chú ý đối với các sản phẩm nông nghiệp, một số trường hợp chỉ chấp nhận xuất xứ thuần túy hoặc cộng gộp mà không chấp nhận xuất xứ với trường hợp 3 về quy tắc cụ thể mặt hàng nhưng vẫn được đưa vào Danh mục PSR để thuận tiện cho việc tra cứu.

2. Nhóm cam kết về thủ tục chứng nhận xuất xứ

(i) Loại Giấy chứng nhận xuất xứ theo quy định EVFTA

EVFTA đã xác định Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ chung trong Hiệp định EVFTA, nêu tại Chương 2 EVFTA.

Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ của EVFTA yêu cầu thông tin khai báo được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và các Hiệp định FTA giữa ASEAN với các đối tác ngoại khối mà Việt Nam đã ký kết. Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo như nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại. Về nội dung khai báo, tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa không bắt buộc phải thể hiện trên C/O.

(ii) Thủ tục chứng nhận xuất xứ mặt hàng?

EVFTA dự kiến 02 thủ tục chứng nhận xuất xứ, bao gồm:

- Thủ tục chứng nhận xuất xứ truyền thông (Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình)
- Thủ tục nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ

Trong so sánh với TPP, phạm vi thủ tục tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA hạn chế hơn, theo đó EVFTA chỉ cho phép nhà *xuất khẩu* tự chứng nhận xuất xứ trong khi TPP cho phép *nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu* được tự chứng nhận xuất xứ. Mô hình tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA được cho là dựa trên thông lệ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ mà EU hiện đang áp dụng.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu của EVFTA cho phép nhà xuất khẩu tự phát hành giấy chứng nhận xuất xứ (tự xác nhận xuất xứ của sản phẩm) đưa vào bộ tài liệu nộp cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng. Trong EVFTA, EU và Việt Nam có cam kết riêng biệt về vấn đề này. Cụ thể

- Đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU: (i) với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ; (ii) với lô hàng có giá trị trên 6.000 euro, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện (approved exporters)⁶ mới được tự chứng nhận xuất xứ.

⁶ Điều kiện để được công nhận là nhà xuất khẩu đủ điều kiện do mỗi bên tự quy định. Tham khảo Điều về Nhà nhập khẩu đủ điều kiện trong Nghị định thư về Quy tắc xuất xứ của sản phẩm và các biện pháp hợp tác hành chính

Hiện EU đang xây dựng hệ thống đăng ký nhà xuất khẩu (registered exporters) – là hệ thống cho phép nhà xuất khẩu chỉ cần đăng ký với cơ quan có thẩm quyền là có thể tự chứng nhận xuất xứ. Khi hệ thống này hoàn thiện và được áp dụng, EU sẽ thông báo cho phía Việt Nam biết.

- Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam: Việt Nam bảo lưu vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình); Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và chỉ cần thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Hiện Việt Nam mới chỉ đang thí điểm cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN, chưa có thông tin khi nào Việt Nam có thể áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ như trong EVFTA.

(iii) Đối với hàng hóa quá cảnh qua nước thứ ba

Theo cam kết tại EVFTA, hàng hóa quá cảnh qua và chia nhỏ lô hàng tại nước thứ ba ngoài Việt Nam và EU vẫn có thể được chứng nhận xuất xứ theo EVFTA với điều kiện nhà nhập khẩu xuất trình các chứng từ chứng minh hàng hóa vẫn nằm trong sự kiểm soát của hải quan nước thứ ba và không bị thay đổi xuất xứ, bao gồm:

- Chứng từ vận tải (ví dụ vận đơn);
- Chứng từ về việc đánh dấu, đánh số hàng hóa;
- Chứng từ chứng minh hàng hóa (ví dụ hóa đơn thương mại, hợp đồng mua bán);
- Chứng nhận của hải quan nước thứ ba về việc hàng hóa không bị thay đổi hoặc chứng từ khác chứng minh hàng hóa vẫn nằm trong sự kiểm soát của mình. EVFTA chấp thuận một số điều chỉnh nhỏ với hàng hóa (nhằm mục tiêu bảo quản hàng hóa ở tình trạng tốt, hoặc bổ sung/dán thêm các loại mác, nhãn... để bảo đảm yêu cầu của bên nhập khẩu).

Chú ý là theo EVFTA, không phải bất kỳ trường hợp hàng hóa quá cảnh hay chia nhỏ lô hàng ở nước thứ ba đều phải xuất trình tự động các chứng từ chứng minh nói trên. Cơ quan hải quan nước nhập khẩu chỉ yêu cầu xuất trình trong trường hợp có nghi ngờ.

3. Một số quy tắc cụ thể đối với một số mặt hàng

(i) Nông sản

EVFTA yêu cầu quy tắc xuất xứ thuần túy đối với phần lớn các sản phẩm nông nghiệp. Đối với các trường hợp chấp nhận quy tắc xuất xứ khác, EVFTA yêu cầu quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa, đồng thời thường kèm theo cả yêu cầu về giới hạn tỉ trọng nguyên liệu thô không có xuất xứ (khoảng từ 20 đến 60%).

Bảng tóm tắt quy tắc xuất xứ đối với một số sản phẩm nông nghiệp

Sản phẩm	Quy tắc
Mật ong (HS 0409)	Quy tắc xuất xứ thuần túy
Rau củ quả và các sản phẩm rau củ quả (HS 07, 08, và 20)	Quy tắc xuất xứ thuần túy đối với rau củ quả nguyên liệu và có giới hạn tỷ lệ đường (ăn) không xuất xứ 20% đối với sản phẩm chế biến từ rau củ quả.
Gạo (HS1006)	Quy tắc xuất xứ thuần túy
Chế phẩm từ ngũ cốc, tinh bột (HS 11)	Nguyên liệu sử dụng từ ngũ cốc, tinh bột, khoai tây, sản phẩm có xuất xứ thuần túy
Rượu và các đồ uống có cồn (HS 22)	Nho sử dụng làm nguyên liệu phải có xuất xứ thuần túy và tỷ lệ đường nguyên liệu không xuất xứ là 20%
Thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá (HS 24)	<ul style="list-style-type: none"> - Lá thuốc lá chưa chế biến có xuất xứ thuần túy - Lá thuốc lá đã chế biến chỉ được sử dụng tối đa 30% nguyên liệu không xuất xứ cùng Chương 24 so với tổng nguyên liệu Chương 24 được sử dụng - Thuốc lá điếu phải làm từ lá thuốc lá đã chế biến có xuất xứ hoặc giới hạn tỷ lệ nguyên liệu không xuất xứ

Nguồn: Bộ Công thương

(ii) Sản phẩm công nghiệp

Đối với các sản phẩm công nghiệp (trừ dệt may), quy tắc xuất xứ phổ biến là:

- Giới hạn tỷ lệ nguyên liệu không xuất xứ: hàm lượng nguyên liệu không có xuất xứ (gọi tắt là VL) được tính dựa trên giá xuất xưởng và tỷ lệ áp dụng phổ biến là 70% (tương đương với hàm lượng giá trị khu vực 40% tính trên giá FOB trong các FTA mà Việt Nam đang tham gia);
- Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTH);
- Công đoạn gia công, sản xuất cụ thể.

Bảng 04: Quy tắc cụ thể mặt hàng đối với các mặt hàng công nghiệp ưu tiên của Việt Nam

Sản phẩm	Quy tắc
Nhựa (HS 39)	Áp dụng tiêu chí chuyển đổi nhóm hàng hóa (CTH) hoặc VL 50%
Cao su (HS 40)	Áp dụng tiêu chí CTH hoặc VL 70%, trừ: <ul style="list-style-type: none"> - Lớp ô tô cũ: chỉ được phép sản xuất từ lớp ô tô cũ và lớp ô tô mới có xuất xứ - Lớp ô tô đắp lại: được phép sản xuất từ lớp ô tô cũ không xuất xứ
Giày dép (HS 64)	Giày dép phải sản xuất từ bộ phận có xuất xứ. Đối

	với các bộ phận giày dép thì áp dụng tiêu chí CTH
Sắt thép và sản phẩm sắt thép (HS 72, 73)	Phổ biến là: <ul style="list-style-type: none"> - Bán thành phẩm được phép sản xuất từ nguyên liệu thô không xuất xứ - Sản phẩm sắt thép được phép sản xuất từ bán thành phẩm không xuất xứ, ngoại trừ một số sản phẩm là mặt hàng ưu tiên của hai bên
Máy móc thiết bị (HS 84) và dây dẫn điện, thiết bị điện tử (HS 85)	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến là quy tắc CTH hoặc VL 70% - Đối với một số dòng hàng EU có chính sách bảo hộ mà Việt Nam không xuất khẩu hoặc cũng bảo hộ: quy tắc VL 50% (quy tắc chặt hơn mức phổ biến 70%) - Đối với một số mặt hàng mà Việt Nam cần nhập khẩu linh kiện, bộ phận không xuất xứ để sản xuất: quy tắc chuyển đổi phân nhóm (CTSH) (quy tắc lỏng hơn quy tắc phổ biến CTH)
Phương tiện vận tải (HS 87)	<ul style="list-style-type: none"> - Ô tô và linh kiện ô tô: áp dụng tiêu chí VL 45% - Xe máy và linh kiện xe máy: áp dụng tiêu chí CTH hoặc VL 50%
Gỗ và sản phẩm gỗ (HS 44 và 94)	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến là quy tắc CTH hoặc VL 70% - Một số mặt hàng gỗ nguyên liệu: Quy tắc công đoạn gia công cụ thể

Nguồn: Bộ Công thương

(iii) Dệt may

Quy tắc xuất xứ phổ biến đối với sản phẩm dệt may trong EVFTA là tiêu chí hai công đoạn, hay còn gọi là “từ vải trở đi”. Cụ thể, để sản phẩm dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ Việt Nam/EU và việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam/EU.

Tuy nhiên, EVFTA có cam kết linh hoạt về quy tắc xuất xứ cộng gộp liên quan tới trường hợp vải từ nước có FTA:

- Cho phép vải có xuất xứ Hàn Quốc được coi như có xuất xứ theo EVFTA (Hàn Quốc là nước duy nhất hiện có cả FTA với Việt Nam và EU)
- Trong tương lai, nếu có một nước nào đó cùng có FTA với VN và EU thì Việt Nam sẽ thông báo cho Ủy ban Hải quan của EVFTA và Ủy ban này sẽ quyết định việc có cho phép cộng gộp không